***Mẫu số 01-DN***

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**

**Tình hình tiền lương năm 2022 và kế hoạch thưởng Tết năm 2023**

**I) Thông tin chung:**

**1.** Tên doanh nghiệp: ………………………………………...

**2.** Địa chỉ: …………………………………………………….

**3.** Điện thoại: ………………….. Email: ………………

**4.** Doanh nghiệp: Trong Khu CN hoặc ngoài khu CN *(chọn 1 phương án)*

**5.** Ngành nghề kinh doanh chính *(chọn 1 phương án)*

 Dệt may Da giày Chế biến gỗ Khác

**6.** Loại hình doanh nghiệp *(chọn 1 phương án):*

 \* Doanh nghiệp 100% vốn nhà nước

 \* Doanh nghiệp có cổ phần vốn góp chi phối của Nhà nước

 \* Doanh nghiệp dân doanh

 \* Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI)

**II) Tình hình tiền lương năm 2022 và kế hoạch thưởng tết năm 2023:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **Đơn vị tính** | **Thực hiện**  |
| **1** | **Tình hình lao động** | Người/tháng |  |
| 1.1 | Số lao động bình quân của doanh nghiệp năm 2022 *(Tổng số lao động sử dụng của các tháng trong năm chia cho 12 tháng)* |  |  |
| 1.2 | Số lao động bị cắt giảm năm 2023. Chia ra: |  |  |
|  | *Thôi việc, mất việc* |  |  |
|  | *Giảm giờ làm* |  |  |
|  | *Ngừng việc* |  |  |
|  | *Tạm hoãn HĐLĐ* |  |  |
|  | *Nghỉ việc không hưởng lương* |  |  |
|  | *Khác* |  |  |
| 1.3 | Số lao động dự kiến tuyển dụng năm 2023 |  |  |
| **2** | **Tiền lương trong năm 2022** |  |  |
| 2.1 | Tiền lương bình quân của doanh nghiệp *(Tổng quỹ lương chi trong năm 2022 chia cho tổng số lao động và chia cho 12 tháng)* | Đồng/tháng |   |
| 2.2 | Tiền lương của người lao động được trả lương cao nhất trong doanh nghiệp  | Đồng/tháng |   |
| 2.3 | Tiền lương của người lao động được trả tiền lương thấp nhất trong doanh nghiệp *(trả cho người lao động làm đủ ngày công tiêu chuẩn của doanh nghiệp trong tháng)* | Đồng/tháng  |   |
| **3** | **Tiền thưởng dịp Tết Dương lịch năm 2023** | **Đơn vị tính** | **Thực hiện** |
| 3.1 | Tổng số lao động của doanh nghiệp có kế hoạch được thưởng Tết dương lịch 2023 | Người |  |
| 3.2   | Tiền thưởng bình quân *(Tổng số tiền thưởng Tết DL theo kế hoạch chia cho tổng số NLĐ kế hoạch được thưởng Tết DL)* | Đồng/người |   |
| 3.3 | Mức thưởng của người lao động có mức thưởng cao nhất trong doanh nghiệp theo kế hoạch | Đồng/người |   |
| 3.4 | Mức thưởng của người lao động có mức thưởng thấp nhất trong doanh nghiệp theo kế hoạch *(mức thưởng của người lao động có thời gian làm việc đủ 12 tháng/năm)* | Đồng/người |   |
| **4** | **Tiền thưởng Tết Nguyên đán năm 2023** | **Đơn vị tính** |  |
| 4.1 | Tổng số lao động của doanh nghiệp có kế hoạch được thưởng Tết Nguyên đán năm 2023 | Người |  |
| 4.2  | Tiền thưởng bình quân *(tổng số tiền thưởng Tết Nguyên đán năm 2023 theo kế hoạch chia cho tổng số người trong kế hoạch được thưởng Tết Nguyên đán 2023)* | Đồng/người |   |
| 4.3 | Mức thưởng của người lao động có mức thưởng cao nhất trong doanh nghiệp theo kế hoạch | Đồng/người |  |
| 4.4 | Mức thưởng của người lao động có mức thưởng thấp nhất trong doanh nghiệp theo kế hoạch (*mức thưởng của người lao động có thời gian làm việc đủ 12 tháng/năm)* | Đồng/người |   |

- Dự kiến thời gian nghỉ Tết nguyên đán năm 2023: Từ ngày …. tháng …. năm 2023 đến ngày ….. tháng ….. năm 2023.

- Dự kiến thời gian chi lương tháng 01/2023 trước khi người lao động nghỉ Tết Nguyên đán năm 2023, ngày….…/……. /2023.

- Dự kiến thời gian chi tiền thưởng Tết dương lịch năm 2023, ngày…./…./202...

- Dự kiến thời gian chi tiền thưởng Tết Nguyên đán năm 2023, ngày…/…./202...

**III) Tình hình nợ lương năm 2022:** Có Không

Nếu có, số tiền nợ: …………….. đồng và điền thông tin theo biểu mẫu sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nguyên nhân** | **Số người lao động bị nợ lương** | **Số tháng nợ** | **Số tiền lương bị nợ *(đồng)*** |
| DN gặp khó khăn buộc phải tạm ngừng hoạt động | DN giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động | Khác*(ghi* *cụ thể)* | Đã giải quyết | Chưa giải quyết | Đã giải quyết | Chưa giải quyết | Đã giải quyết | Chưa giải quyết |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Dự kiến thời gian trả lương (số còn nợ) trước khi người lao động nghỉ Tết Nguyên đán năm 2023, ngày….…/…../2023; số tiền: …………… đồng.

**VI) Tình hình nợ BHXH năm 2023:** Có Không

Nếu có, số tiền nợ: ………….. đồng, số tháng nợ ………. tháng; nguyên nhân:…..….

…………………………………………………………………………………………….

 **Người lập biểu GIÁM ĐỐC**

 *(ký và ghi rõ họ tên)*  *(Ký tên, đóng dấu)*

 ***Biểu số 05***

**TÌNH HÌNH TRẢ LƯƠNG THEO GIỜ TRONG DOANH NGHIỆP, CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH**

|  |  |
| --- | --- |
| Công việc, vị trí *(phổ biến trên địa bàn có hình thức trả lương theo giờ)* | Mức lương bình quân một giờ (ngàn đồng/giờ) |
| Vùng I | Vùng II | Vùng III | Vùng IV |
| 1. Nhân viên phục vụ ở quán cà phê, giải khát |  |  |  |  |
| 2. Nhân viên phục vụ tại các nhà hàng |  |  |  |  |
| 3. Nhân viên bán hàng tại cửa hàng, siêu thị |  |  |  |  |
| 4. Nhân viên giúp việc theo giờ |  |  |  |  |
| 5. ……………………………..………. |  |  |  |  |